

Phụ lục 117
BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ KIẾN ĐỨC

I. Bảng giá nhóm đất nông nghiệp

1. Đất trồng cây hằng năm; đất trồng cây lâu năm; đất rừng sản xuất; đất nuôi trồng thủy sản:

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Loại đất	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
1	Đất trồng cây hằng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hằng năm khác)	78	68	55	42
2	Đất trồng cây lâu năm	133	96	61	51
3	Đất rừng sản xuất	24	21	18	15
4	Đất nuôi trồng thủy sản	41	34	29	25

2. Đất rừng phòng hộ; đất rừng đặc dụng: Giá đất được xác định bằng 80% giá đất rừng sản xuất cùng vị trí.

3. Đất chăn nuôi tập trung: Giá đất được xác định bằng 110% giá đất trồng cây hằng năm hoặc đất trồng cây lâu năm (chọn loại có giá cao hơn), cùng vị trí.

4. Đất nông nghiệp khác: Giá đất được xác định bằng 120% giá đất trồng cây hằng năm hoặc đất trồng cây lâu năm (chọn loại có giá cao hơn), cùng vị trí.

5. Đất nông nghiệp trong khu dân cư, đất nông nghiệp trong cùng thửa đất có nhà ở: Giá đất được xác định bằng 1,5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại đất đang sử dụng, cùng vị trí, nhưng mức giá tối đa không cao hơn giá đất phi nông nghiệp tại vị trí của thửa đất nông nghiệp đó; trường hợp theo quy định không xác định được loại đất nông nghiệp đang sử dụng thì xác định theo loại đất của diện tích đất nông nghiệp liền kề hoặc gần nhất (chọn theo loại đất có diện tích lớn nhất và theo thứ tự nếu không xác định được theo diện tích liền kề thì xác định theo diện tích đất gần nhất).

II. Bảng giá nhóm đất phi nông nghiệp:

1. Đất ở:

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
I	Xã Kiến Đức (thị trấn Kiến Đức cũ)	
1	Đường Nguyễn Tất Thành	
	Từ ranh giới xã Kiến Thành (cũ) đến ngã ba đường Võ Thị Sáu - Nguyễn Tất Thành	6.262
	Từ ngã ba đường Võ Thị Sáu - Nguyễn Tất Thành đến ngã ba đường Chu Văn An	7.074

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Từ ngã ba đường Chu Văn An đến ngã ba đường Lê Hữu Trác - Nguyễn Tất Thành	12.812
	Từ ngã ba đường Lê Hữu Trác - Nguyễn Tất Thành đến ngã ba đường Trần Phú - Nguyễn Tất Thành	8.191
	Từ Km 0 (ngã ba đường Trần Phú) đến ngã ba đường vào chùa Liên Hoa	7.092
	Từ ngã ba đường vào chùa Liên Hoa đến ranh giới xã Kiến Thành (cũ) (đường Nguyễn Tất Thành)	4.140
2	Đường Lê Thánh Tông	
	Từ ngã ba đường Lê Hữu Trác - Lê Thánh Tông đến đường vào lò mổ	8.157
	Từ Km 0 (ngã ba đường vào lò mổ - Lê Thánh Tông) đến đất nhà bà Thanh	6.432
	Từ đất nhà bà Thanh đến hết điểm quy hoạch	6.399
	Từ đất nhà bà Thanh đến giáp đường Nguyễn Tất Thành	7.534
3	Đường N'Trang Long	
	Từ Km 0 (Quốc lộ 14) đến hết đất nhà ông Vũ Duy Biểu	10.736
	Từ hết đất nhà ông Vũ Duy Biểu đến ngã ba đường Nguyễn Du	7.661
	Từ ngã ba đường Nguyễn Du đến cầu Thủy Tạ	6.744
	Từ cầu Thủy Tạ đến ngã ba đường Phan Chu Trinh	4.103
	Từ ngã ba đường Phan Chu Trinh đến ngã ba đường vào xóm 1 thôn 4	3.245
	Từ ngã ba đường vào xóm 1 thôn 4 đến giáp ranh xã Quảng Tân	2.803
4	Đường Lê Hữu Trác	
	Từ ngã ba Nguyễn Tất Thành đến cổng Trung tâm y tế huyện (cũ)	5.235
	Từ cổng trung tâm y tế huyện (cũ) đến ngã ba đường vào xóm 2 thôn 7	3.432
	Từ ngã ba đường vào xóm 2 thôn 7 đến hết đất nhà ông Hoàng Thọ Huy	1.887
	Từ hết đất nhà ông Hoàng Thọ Huy đến Trường Tiểu học Đinh Tiên Hoàng	824
	Từ Trường Tiểu học Đinh Tiên Hoàng đến giáp đường N'Trang Long	1.238
5	Đường Trần Phú	
	Từ ngã ba đường Trần Phú - Nguyễn Tất Thành đến giáp ranh giới xã Kiến Thành (cũ)	4.982
6	Đường Võ Thị Sáu	
	Từ ngã ba đường Võ Thị Sáu - Nguyễn Tất Thành đến giáp ranh giới xã Kiến Thành (cũ) đường Võ Thị Sáu	1.867
7	Đường Phan Chu Trinh	
	Từ Km 0 đường N'Trang Long đến ngã ba nhà ông Nguyễn Tôn Tuấn	1.313
	Từ ngã ba nhà ông Nguyễn Tôn Tuấn đến giáp ranh xã Kiến Thành (cũ)	965
	Từ đất nhà ông Thêu đến ranh thị trấn Kiến Đức (cũ)	936
8	Đường Phan Chu Trinh (Kiến Đức - Kiến Thành cũ)	
	Từ ngã ba đường Nguyễn Tất Thành (Quốc lộ 14) đến đập thủy điện Đắc R'Tang	1.772
9	Đường Chu Văn An	
	Từ ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Chu Văn An (Km 0) đến giáp đường Nguyễn Khuyến	5.000
10	Đường Nguyễn Du	
	Từ đường N'Trang Long đến đường Nguyễn Tất Thành	3.198
11	Đường Nguyễn Huệ	
	Từ đường Nguyễn Du đến đường Nguyễn Khuyến	2.707
12	Đường Nguyễn Khuyến	
	Từ ngã ba N'Trang Long đến ngã ba Nguyễn Khuyến - Chu Văn An	3.212

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Từ ngã ba Nguyễn Khuyến - Chu Văn An đến hết thôn 2 giáp hồ thủy điện	2.273
13	Đường Trần Hưng Đạo	
	Từ ngã ba đường N'Trang Long đến hết đất nhà ông Đoàn Văn Hòa	3.217
	Từ hết đất nhà ông Đoàn Văn Hòa đến hết đường	2.140
14	Đường Hai Bà Trưng	
	Từ đường N'Trang Long (Đập nước Đắc Blao) đến giáp đường Lê Hữu Trác	1.494
15	Đường Hùng Vương	
	Từ ngã ba Hùng Vương - Nguyễn Tất Thành đến ngã ba Hùng Vương - Trần Phú	2.927
16	Đường Ngô Quyền	
	Từ ngã ba Chu Văn An - Ngô Quyền đến ngã ba Ngô Quyền - Nguyễn Tất Thành	2.577
17	Đường Lê Lợi (Điểm dân cư số 4)	
	Từ ngã ba Lê Thánh Tông đến hết đường	766
18	Đường liên khu phố (cũ)	
	Từ Km 0 ngã ba đường Trần Hưng Đạo đến Hội trường thôn 3	1.768
	Từ Hội trường thôn 3 đến đường Trần Hưng Đạo	1.378
19	Đường vào đôi thông thôn 6	
	Từ Km 0 đến đất nhà bà Võ Thị Ngọc	1.298
	Từ đất nhà bà Võ Thị Ngọc đến hết đường	815
20	Đường vào nhà máy nước đá	
	Từ ngã ba Quốc lộ 14 đến giáp ranh giới Kiến Thành (cũ)	1.298
21	Đường vành đai bệnh viện	
	Từ cổng bệnh viện đến giáp đường Lê Hữu Trác	1.298
22	Đường vào Trường Dân tộc nội trú	
	Từ ngã ba đường Phan Chu Trinh đến hết Trường Dân tộc nội trú	927
	Từ hết Trường Dân tộc nội trú đến hết đường	609
23	Đường xóm 4, thôn 2	
	Từ đất nhà ông Kỳ đến hết đường xóm 4, thôn 2	1.249
24	Hẻm 6, thôn 2	
	Từ đường Chu Văn An đến đất nhà ông Nam	1.177
25	Ngã ba nhà ông Thu	
	Từ đường Nguyễn Tất Thành ngã ba nhà ông Thu đến giáp đường Nguyễn Du	1.165
26	Đường thôn 5	
	Từ ngã ba Võ Thị Sáu đi thôn 7 xã Kiến Thành (cũ) đến hết đường	1.129
27	Đường xóm 3, thôn 7	
	Từ ngã ba đường Lê Hữu Trác đến hết đường	790
28	Đường xóm 2, thôn 7	
	Từ ngã ba Lê Hữu Trác đến hết đường	748
29	Đường xóm 4, thôn 7	
	Từ ngã ba Lê Hữu Trác đến hết đường	716
30	Đường thôn 6 đến Hội trường thôn 1 Kiến Thành (cũ)	
	Từ Quốc lộ 14 đến giáp ranh xã Kiến Thành (cũ)	638
31	Đường thôn 6	
	Từ Quốc lộ 14 (ngã ba giáp đất nhà ông Nguyễn Tôn Cân) đến hết đất nhà ông Trần Văn Nhân (giáp suối)	590

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
32	Đường vào Nghĩa Trang	
	Từ đường N'Trang Long đến giáp Nghĩa trang	1.334
33	Đất ở các khu dân cư còn lại	270
34	Đường vào xóm Cà Mau (bon Đắc B'Lao)	
	Từ ngã ba đường Lê Hữu Trác đến ngã ba giáp đất nhà ông Đậu Văn Thái	416
	Từ ngã ba giáp đất nhà ông Đậu Văn Thái đến giáp ranh xã Kiến Thành (cũ)	368
35	Đường vào xóm 2, thôn 4	
	Từ ngã ba đường N'Trang Long (xóm 2 thôn 4) đến ngã ba đất nhà ông Trần Văn Tuấn	395
36	Đường đi xã Kiến Thành (cũ)	
	Từ ngã ba đường Nguyễn Tất Thành (trạm y tế Kiến Đức cũ) đến giáp ranh xã Kiến Thành (cũ)	786
II	Xã Kiến Đức (xã Kiến Thành cũ)	
1	Quốc lộ 14	
1.1	Thị trấn Kiến Đức (cũ) về xã Quảng Tín	
	Từ giáp ranh thị trấn Kiến Đức (cũ) đến giáp ranh xã Quảng Tín	3.465
1.2	Thị trấn Kiến Đức (cũ) - Nhân Cơ (cũ)	
	Từ ranh giới thị trấn Kiến Đức (cũ) đến ranh giới thị trấn Kiến Đức (cũ) + 400m	4.455
	Từ ranh giới thị trấn Kiến Đức (cũ) + 400m đến ngã ba hầm đá	3.433
	Từ ngã ba vào hầm đá đến ranh giới xã Đắc Wer (cũ)	3.295
2	Tỉnh lộ 685	
	Từ ranh giới thị trấn Kiến Đức (cũ) đến Nghĩa địa thôn 3 (cũ)	1.878
	Từ Nghĩa địa thôn 3 (cũ) đến hết Trường học Lê Quý Đôn	1.587
	Từ hết Trường học Lê Quý Đôn đến Nghĩa địa thanh niên xung phong	1.299
	Từ Nghĩa địa thanh niên xung phong đến ranh giới xã Nghĩa Thắng (cũ)	1.254
3	Đường thôn 7 (cũ)	
	Từ ranh giới thị trấn Kiến Đức (cũ) (đường dây 500KV) đến ngã ba Trường trung học Võ Thị Sáu	996
	Từ ngã ba Trường trung học Võ Thị Sáu đến giáp ranh xã Đắc Wer (cũ)	817
	Từ ngã ba Trường phân hiệu Võ Thị Sáu đến ngã ba vào khu du lịch sinh thái	650
	Từ ngã ba vào khu du lịch sinh thái đến nhà ông Trần Ngọc Thạch	825
	Từ nhà ông Trần Ngọc Thạch đến giáp Quốc lộ 14	982
	Từ ranh giới thị trấn Kiến Đức (cũ) đến đất nhà ông Nguyễn Phương	628
	Từ ranh giới thị trấn Kiến Đức (cũ) đến hết đất nhà ông Bình thôn 7 (cũ)	628
4	Đường đi thôn 5 cũ, thôn 8	
	Từ thủy điện Đắc R'Tang đến giáp ranh xã Đắc Wer (cũ)	648
5	Đường đi thôn 9	
	Từ Quốc lộ 14 ngã ba trường 1 đến Nghĩa địa thôn 9	619
	Từ Quốc lộ 14 đất nhà ông Chử đến khu quy hoạch xưởng cưa	638
	Khu quy hoạch đất giáo viên thôn 9	565
6	Đường vào Hội trường thôn 1 (cũ)	
	Từ giáp ranh giới thị trấn Kiến Đức (cũ) đến Hội trường thôn 1 (cũ)	619
7	Đường vào Nghĩa địa thôn 2 (cũ)	
	Từ nhà ông Phạm Giai thôn 3 (cũ) đến Nghĩa địa thôn 2 (cũ)	382
8	Đường vào cây đa Kiến Đức	
	Đường Hùng Vương	2.927

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
9	Đường vào nhà máy nước đá Hương Giang (cũ)	
	Từ ranh giới thị trấn Kiến Đức (cũ) đến hết đường	946
10	Đường vào Trạm Y tế Kiến Đức (cũ)	
	Từ ranh giới thị trấn Kiến Đức (cũ) đến Hội trường thôn 10	607
	Từ Hội trường thôn 10 đến giáp ranh xã Đăk Sin (cũ)	368
11	Đường thôn 3 (cũ)	
	Từ đường Hùng Vương đến giáp ranh xã Nghĩa Thắng (cũ)	615
12	Đường bê tông nhà bà Thắm (giáp Tỉnh lộ 685)	
	Từ giáp Tỉnh lộ 685 đến hết đường	411
13	Đất ở các khu dân cư còn lại	225
14	Xóm 2, thôn 9	
	Từ ngã ba Quốc lộ 14 (nhà bà Ngô Thị Hóa) đến hết đường bê tông	386
15	Đường vào Hội trường thôn 7 (cũ) (đường xóm 1)	
	Từ ngã ba cổng chào (nhà ông Dương) đến hết đường bê tông	394
16	Xóm 1 thôn 3 (cũ)	
	Từ đường Hùng Vương Kiến Đức (cũ) (đất nhà ông Thường) đến đất nhà ông Trọng	394
17	Xóm 3 (đường thôn 3 cũ vào mỏ đá)	
	Từ ngã ba Tỉnh lộ 685 (nhà bà Huệ) đến giáp mỏ đá FiCO	379
18	Đường vào nhà ông Trưởng (thôn 3 cũ)	
	Từ nhà ông Trịnh Xuân Tác đến giáp mỏ đá FiCO	394
19	Đường vào nhà ông Dầu (thôn 3 cũ)	
	Từ ngã ba Tỉnh lộ 685 (nhà bà Nga) đến hết đường bê tông	390
20	Đường vào nhà ông Quang (thôn 3 cũ)	
	Từ ngã ba Tỉnh lộ 685 (nhà ông Khuyến) đến hết đường bê tông	398
21	Đường thôn 2 (cũ) (đường vào Nghĩa địa)	
	Từ ngã ba Tỉnh lộ 685 (nhà bà Duy) đến ngã ba nhà ông Viên	386
	Từ ngã ba Tỉnh lộ 685 (nhà bà Hùng) đến hết đường (đất nhà ông Dương)	386
22	Đường thôn 6 (cũ) (nhà bà Hòa Trí)	
	Từ ngã ba Quốc lộ 14 đến cầu (đất ông Trịnh)	395
23	Đường vào Trại cá Đức Tâm (thôn 6 cũ)	
	Từ ngã ba Quốc lộ 14 đến nhà ông Đức	395
24	Đường hầm đá (thôn 6 cũ)	
	Từ ngã ba Quốc lộ 14 (nhà ông Thư) đến đường điện 500KV	395
25	Đường thôn 6 (cũ) (nhà bà Thu Huy)	
	Từ ngã ba Quốc lộ 14 đến cầu (đất ông Nghĩa)	395
26	Đường thôn 8 (nhà ông Phước)	
	Từ ngã ba Phan Chu Trinh đến giáp ranh xã Quảng Tân	386
27	Đường vào nhà ông Quân (thôn 8)	
	Từ ngã ba Phan Chu Trinh đến hết đường	386
28	Đường vào nhà ông Hùng (thôn 8)	
	Từ ngã ba Phan Chu Trinh đến hết đường	386
29	Đường vào xã Quảng Tân	
	Từ ngã ba nhà ông Sử đến giáp ranh xã Quảng Tân	386
III	Xã Kiến Đức (xã Đạo Nghĩa cũ)	
1	Tỉnh lộ 685	
	Từ UBND xã cũ (hướng Đăk Sin cũ) đến giáp đất nhà ông Phan Dẫn	1.577
	Từ đất nhà ông Phan Dẫn đến giáp ranh xã Đăk Sin (cũ)	990

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Từ UBND xã cũ (hướng Nghĩa Thắng cũ) đến giáp cống nước đất ông Trần Hữu Vây	1.302
	Từ giáp cống nước đất ông Trần Hữu Vây đến giáp ranh xã Nghĩa Thắng (cũ)	891
2	Đường liên thôn	
	Từ cầu Quảng Phước đến đập tràn Quảng Đạt	1.097
	Từ đập tràn Quảng Đạt đến đất nhà ông Tư Từ	682
	Từ đất nhà ông Tư Từ đến hết đường nhựa (nhà ông Mười Nổ)	662
	Từ đất nhà ông Tân Ngà đến hết đất nhà ông Nguyễn Chi Tuấn	672
	Từ hết đất nhà ông Nguyễn Chi Tuấn đến Cửa rừng	456
	Từ đất nhà ông Khư đến cuối xóm Mít	422
	Từ ngã tư Quảng An đến hết đất nhà ông Võ Văn Bình	671
	Từ hết đất nhà ông Võ Văn Bình đến đất nhà bà Huệ	433
	Từ đất nhà bà Huệ đến giáp ranh xã Nghĩa Thắng (cũ)	420
	Từ nhà ông Tuấn đến hết nhà ông Phú	420
	Từ đất nhà bà Huệ đến hết đất nhà ông Trần Dũng	398
	Từ ngã ba nhà ông Phước đến Trường Huỳnh Thúc Kháng (phân hiệu)	424
	Từ ngã tư Quảng An đến đất nhà ông Võ Văn Thảo	556
3	Đất ở các khu dân cư còn lại	215
4	Đường nông thôn	
	Từ ngã ba nhà ông Nguyễn Ngọc Thom đến nhà ông Nguyễn Thái Bình	392
	Từ nhà bà Lê Thị Ai Nhung đến hết nhà ông Đoàn Canh	418
	Từ nhà ông Mười Nổ đến Trạm cửa rừng	389
	Từ ngã ba nhà Lê Lựu đến nhà bà Nguyễn Thị Ngọc Hoàng	424
IV	Xã Kiến Đức (xã Nghĩa Thắng cũ)	
1	Tỉnh lộ 685	
1.1	Hướng Kiến Thành (cũ)	
	Từ Hội trường thôn Quảng Thuận đến hết ngã ba Bưư điện	1.553
	Từ hết ngã ba Bưư điện đến ngã ba đập tràn Quảng Chánh	1.505
	Từ ngã ba đập tràn Quảng Chánh đến cống nước nhà Tư Rịa Quảng Chánh	1.561
	Từ cống nước nhà Tư Rịa Quảng Chánh đến hết thôn Quảng Trung	806
	Từ hết thôn Quảng Trung đến đầu đập hồ Cầu Tư	738
	Từ đầu đập hồ Cầu tư đến giáp ranh xã Kiến Thành (cũ)	738
1.2	Hướng Đạo Nghĩa (cũ)	
	Từ Hội trường thôn Quảng Thuận đến ngã ba chợ Nghĩa Thắng (cũ)	4.301
	Từ ngã ba chợ Nghĩa Thắng (cũ) đến ngã ba nhà ông Tường	2.874
	Từ ngã ba nhà ông Tường đến ngã ba nhà ông Thái	1.557
	Từ ngã ba nhà ông Thái đến giáp ranh xã Đạo Nghĩa (cũ)	938
2	Đường liên xã	
	Từ giáp ranh xã Đăk Wer (cũ) và ranh xã Nhân đạo (cũ) đến cột mốc xã Nghĩa Thắng (cũ) giáp ranh xã Nhân Đạo (cũ)	945
	Từ cột mốc xã Nghĩa Thắng (cũ) giáp ranh xã Nhân Đạo (cũ) đến nhà ông Tâm Lợi	576
	Từ nhà ông Tâm Lợi đến cách ngã ba Pi Nao III - 200m	667
	Từ ngã ba Pi Nao III đến về 03 phía mỗi phía 200m	1.318
	Từ qua ngã ba Pi Nao III + 200m đến hết nhà ông Lý	865
	Từ hết nhà ông Lý đến hết nhà ông Lâm	1.160
	Từ hết nhà ông Lâm đến ngã ba nhà ông Kế (Quảng Chánh)	635

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Từ ngã ba Trường cấp III đến cổng Trường cấp III (đường trên)	612
	Từ ngã ba nhà ông Kế (Quảng Chánh) đến ngã ba Quảng Chánh	623
	Từ ngã ba chợ Nghĩa Thắng (cũ) đến cầu Quảng Phước Đạo Nghĩa (cũ)	1.367
	Từ ngã ba nhà ông Lâm đến Trường cấp III (đường dưới)	612
	Từ ngã ba đất nhà ông Bốn Vương đến giáp ranh xã Nhân Đạo (cũ) (đường Đạo Nghĩa - Quảng Khê)	350
	Từ ngã ba Hai Bé (nhà ông Hưng, ông Vũ) đến giáp ranh xã Nhân Đạo (cũ)	346
	Từ ngã ba nhà ông Nguyễn Văn Chính đến giáp ranh xã Đắc Sin (cũ)	329
3	Đường liên thôn	
	Từ ngã ba Pi Nao III + 200m đến nhà ông Nhanh	667
	Từ nhà ông Nhanh đến vườn rẫy ông Tín	549
	Từ vườn rẫy ông Tín đến ngã ba Hai Bé	560
	Từ ngã ba Hai Bé đến ngã ba rẫy vườn ông Bốn Vương	368
	Từ ngã ba nhà ông Kế đến xóm mít giáp ranh xã Đạo Nghĩa (cũ)	320
	Từ ngã ba Quảng Chánh đến hết nhà ông Mao	330
	Từ ngã ba Tỉnh lộ 685 đến ngã ba nhà ông Phan Văn Tường	350
	Từ ngã ba nhà ông Phan Văn Tường đến hết đường nhựa	343
	Từ ngã ba Quảng Tiến nhà bà Minh đến hết nhà ông Mậu	348
	Từ Trường cấp III (đường dưới) đến giáp ranh xã Đạo Nghĩa (cũ)	429
	Từ ngã ba Hai Bé đến giáp ranh xã Đạo Nghĩa (cũ)	314
	Từ ngã ba Nghĩa địa Quảng Chánh đến đập Quảng Thuận (lò mố)	330
	Từ ngã ba nhà ông Kế đến nhà ông Hùng (thôn Quảng Trung)	335
	Từ ngã ba nhà bà Tươi đến ngã ba Trường Nguyễn Bá Ngọc	381
	Từ ngã ba trường Nguyễn Bá Ngọc đến ngã ba Trường Trần Quốc Toàn	385
	Từ ngã ba Bưu điện đến ngã ba Trường Trần Quốc Toàn	433
	Từ ngã ba Trường Trần Quốc Toàn đến hết đất nhà ông Ngô Quang Dũng	400
	Từ hết đất nhà ông Ngô Quang Dũng đến ngã ba chôm chôm	363
	Từ ngã ba nhà ông Điều Thơ đến ngã ba nhà ông Cường (thôn Quảng Bình)	329
4	Đường nội thôn	
	Từ ngã ba nhà bà Phúc đến hết khu tập thể giáo viên trường cấp 2	352
	Từ ngã ba đập tràn Quảng Chánh đến hết nhà ông Nghĩa	385
	Từ ngã ba nhà ông Tâm Lang đến giáp ranh xã Kiến Thành (cũ)	606
5	Đất ở các khu dân cư còn lại	215
6	Khu tái định cư Hồ Cầu Tư	740
7	Đường ngõ xóm	
	Từ ngã ba nhà ông Phạm Minh Yên đến giáp ranh Nghĩa địa thôn Quảng Hòa	305
	Từ ngã ba (thôn Quảng Tiến) nhà ông Nguyễn Văn Hùng và nhà ông Nguyễn Viết Tân đến hết đường bê tông	305
	Từ ngã ba thôn Quảng Lợi nhà ông Hương (heo) đến hết đường bê tông	305
	Từ ngã ba nhà ông Thơ (bon Bù Za Rah) đến ngã ba nhà ông Nhị (thôn Quảng Bình)	329
8	Đường thôn Quảng Sơn	
	Từ giáp ranh thôn 7 xã Kiến Thành (cũ) đến ranh đã thu hồi khai trường khai thác Bôxít năm 7, 8	606

2. Đất thương mại, dịch vụ (TMDV); đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (CSSXPNN); đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản (HĐKS):